

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học,
hình thức đào tạo chính quy học kỳ I, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐDH ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐDH ngày 07/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; căn cứ các Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024, 07/NQ-HĐT ngày 03/3/2025 và 24/NQ-HĐT ngày 03/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-ĐHSP ngày 20/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc ban hành Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng ngoài ngân sách cho sinh viên trình độ đào tạo đại học, hình thức đào tạo chính quy;

Căn cứ danh sách đề nghị của Ban Chủ nhiệm các Khoa về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên học kỳ I, năm học 2024 - 2025 thuộc khóa tuyển sinh 2021;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ I năm học 2024 - 2025 của sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý người học - Thư viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2024 - 2025 cho 316 sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy (danh sách kèm theo).

Điều 2. Định mức kinh phí học bổng khuyến khích học tập được cấp theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. /: 

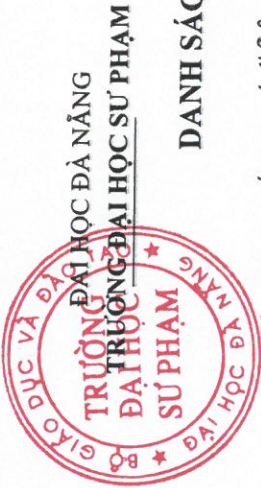
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, QLNH-TV. 

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




TS. Đinh Thị Mỹ Hạnh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỆ CHÍNH QUY, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433/QĐ-ĐHSP, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
1	Sư phạm Toán học	3110121013	Lê Hoàng Nhân	21ST1	9.52	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
2	Sư phạm Toán học	3110121128	Trương Thị Thanh Thảo	21ST2	9.44	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
3	Sư phạm Toán học	3110121142	Nguyễn Xuân Trúc	21ST2	9.76	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
4	Sư phạm Toán học	3110122025	Lê Viết Hoàng	22ST1	9.72	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
5	Sư phạm Toán học	3110122028	Nguyễn Viết Phan Hùng	22ST1	9.51	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
6	Sư phạm Toán học	3110122066	Nguyễn Thị Hồng Phúc	22ST2	9.43	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
7	Sư phạm Toán học	3110123082	Trần Mạnh Tân	23ST1	9.40	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
8	Sư phạm Toán học	3110123008	Hồ Huỳnh Nguyễn Bảo	23ST2	9.44	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
9	Sư phạm Toán học	3110123070	Nguyễn Bảo Nhi	23ST2	9.29	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
10	Sư phạm Toán học	3110124015	Phạm Thị Mỹ Duyên	24ST1	8.69	3.78	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
11	Sư phạm Toán học	3110124069	Trần Thị Hạnh Thực	24ST1	9.04	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
12	Sư phạm Toán học	3110124076	Nguyễn Trông	24ST1	8.63	3.75	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
13	Khoa học dữ liệu	3110524024	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	24CKDL	8.77	3.73	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000	V
14	Sư phạm Tin học	3120121002	Võ Thị Phương Loan	21SPT	9.34	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
15	Sư phạm Tin học	3120122025	Trần Thiên Tâm	22SPT	8.76	3.76	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
16	Sư phạm Tin học	3120123040	Dương Vũ Minh Việt	23SPT	8.47	3.61	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
17	Sư phạm Tin học	3120124028	Nguyễn Nhật Thành	24SPT	8.75	3.86	Xuất sắc	88.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
18	Công nghệ thông tin	3120221121	Huỳnh Quốc Việt	21CNTT1	8.96	4.00	Xuất sắc	84.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
19	Công nghệ thông tin	3120221265	Thượng Vĩnh Quý	21CNTT1	8.70	3.63	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000	V

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
20	Công nghệ thông tin	3120221074	Võ Văn Anh	Pha	21CNTT2	8.31	3.63	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	8,250,000	V
21	Công nghệ thông tin	3120221368	Nguyễn Thị Châu	Hậu	21CNTT2	8.75	3.63	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	8,250,000	V
22	Công nghệ thông tin	3120221352	Phan Hoàng	Dung	21CNTT4	8.86	4.00	Xuất sắc	89.00	Tốt	7,750,000	V
23	Công nghệ thông tin	3120221410	Đỗ Ngọc Quang	Luân	21CNTT4	8.65	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	8,250,000	V
24	Công nghệ thông tin	3120221515	Trần Lê Thảo Vy	21CNTT4	8.81	4.00	Xuất sắc	89.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
25	Công nghệ thông tin	3120222046	Trần Thị Hương	22CNTT2	8.72	3.68	Xuất sắc	84.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
26	Công nghệ thông tin	3120222135	Nguyễn Hữu Tín	22CNTT2	8.65	3.70	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000	V
27	Công nghệ thông tin	3120222150	Phan Thị Thục Uyên	22CNTT2	8.42	3.70	Xuất sắc	86.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
28	Công nghệ thông tin	3120223022	Võ Thế Chính	23CNTT1	8.44	3.73	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000	V
29	Công nghệ thông tin	3120223080	Nguyễn Anh Nhật Huy	23CNTT1	8.81	3.90	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
30	Công nghệ thông tin	3120223095	Lê Thiện Khôi	23CNTT2	8.46	3.70	Xuất sắc	83.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
31	Công nghệ thông tin	3120223134	Nguyễn Đức Hà Nha	23CNTT2	8.61	3.70	Xuất sắc	83.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
32	Công nghệ thông tin	3120223193	Trần Ngọc Minh Thư	23CNTT2	8.71	3.75	Xuất sắc	87.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
33	Công nghệ thông tin	3120223196	Nguyễn Thị Tiên	23CNTT2	8.48	3.78	Xuất sắc	87.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
34	Công nghệ thông tin	3120223210	Trần Nguyễn Bảo Trân	23CNTT2	8.93	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000	V
35	Công nghệ thông tin	3120223151	Nguyễn Hồng Phúc	23CNTT3	8.84	3.88	Xuất sắc	89.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
36	Công nghệ thông tin	3120224059	Nguyễn Đức Hoàng	24CNTT1	8.14	3.53	Giỏi	82.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
37	Công nghệ thông tin	3120224071	Phan Thị Thanh Huyền	24CNTT1	8.55	3.67	Xuất sắc	89.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
38	Công nghệ thông tin	3120224174	Huỳnh Phương Uyên	24CNTT1	8.41	3.67	Xuất sắc	84.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
39	Công nghệ thông tin	3120224028	Nguyễn Đình Minh Đạt	24CNTT2	8.19	3.57	Giỏi	85.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
40	Công nghệ thông tin	3120224104	Trần Thị Bảo Nguyễn	24CNTT3	8.36	3.53	Giỏi	88.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
41	Công nghệ thông tin	3120224131	Đặng Nhật Thanh	24CNTT3	8.37	3.57	Giỏi	88.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V
42	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)	3120422004	Hoàng Kim Hùng	22CNTTC	8.64	3.67	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000	V
43	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)	3120422006	Mai Thị Thanh Huyền	22CNTTC	8.71	3.71	Xuất sắc	89.00	Tốt	Giỏi	7,750,000	V

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
44	Sư phạm Vật lý	3130121037	Đoàn Nguyễn Tú Oanh	21SVL1	8.97	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
45	Sư phạm Vật lý	3130121098	Huỳnh Thị Mươi	21SVL1	8.80	3.94	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
46	Sư phạm Vật lý	3130122008	Phan Đăng Anh Đào	22SVL	8.71	3.82	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
47	Sư phạm Vật lý	3130122049	Huỳnh Thị Thùy Thuận	22SVL	8.92	3.81	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
48	Sư phạm Vật lý	3130123007	Nguyễn Phước Diệu Hiền	23SVL	9.21	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
49	Sư phạm Vật lý	3130124014	Trần Thị Kim Ngân	24SVL	9.05	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
50	Vật lý kỹ thuật	3130322008	Lê Phan Thanh Trúc	22CVK	8.29	3.74	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000	IV
51	Vật lý kỹ thuật	3130323010	Võ Hồng Nga	23CVK	7.44	3.03	Khá	92.00	Xuất sắc	Khá	6,750,000	IV
52	Vật lý kỹ thuật	3130324019	Phan Huỳnh Mỹ Linh	24CVK	7.29	2.81	Khá	90.00	Xuất sắc	Khá	6,750,000	IV
53	Sư phạm Hóa học	3140121053	Nguyễn Thị Thủy	21SHH	9.68	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
54	Sư phạm Hóa học	3140122001	Nguyễn Hữu An	22SHH	9.55	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
55	Sư phạm Hóa học	3140122046	Hồ Thị Minh Thư	22SHH	9.27	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
56	Sư phạm Hóa học	3140123011	Nguyễn Trường Đăng Nguyên	23SHH	9.26	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
57	Sư phạm Hóa học	3140124011	Nguyễn Thị Thủy Ngân	24SHH	9.27	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
58	Hóa dược	3140321065	Sử Trần Diệu An	21CHD	9.36	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000	IV
59	Hóa dược	3140322005	Trần Hoàng Ngọc Anh	22CHD	8.35	3.55	Giỏi	93.00	Xuất sắc	Giỏi	7,250,000	IV
60	Hóa dược	3140322024	Phạm Thị Thảo Nguyên	22CHD	9.17	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000	IV
61	Hóa dược	3140323024	Huỳnh Vũ Quang Nhật	23CHD	8.39	3.56	Giỏi	85.00	Tốt	Giỏi	7,250,000	IV
62	Hóa dược	3140323031	Đỗ Phạm Xuân Phi	23CHD	8.39	3.69	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000	IV
63	Hóa dược	3140324042	Hoàng Thị Thanh Thảo	24CHD	8.70	3.75	Xuất sắc	86.00	Tốt	Giỏi	7,250,000	IV
64	Hóa dược	3140324051	Phan Thị Tuyết Trang	24CHD	8.86	3.75	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	7,250,000	IV
65	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721086	Võ Mỹ Trinh	21SKT2	8.98	3.88	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
66	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721173	Lê Ngô Thị Tuyết Vinh	21SKT1	8.91	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
67	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721089	Phạm Thị Thanh Vinh	21SKT2	8.92	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
68	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722043	Nguyễn Thị Thùy Linh	22SKT1	9.07	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
69	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722105	Nguyễn Thành Toàn	22SKT1	9.13	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
70	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722070	Lâm Quỳnh Như	22SKT2	8.85	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
71	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722104	Nguyễn Hồ Anh Tiên	22SKT2	9.33	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
72	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723024	Nguyễn Thị Xuân Hương	23SKT2	8.89	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
73	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723032	Nguyễn Chí Khoa	23SKT2	9.54	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
74	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723082	Nguyễn Thị Sang	23SKT2	8.74	3.95	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
75	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723093	Nguyễn Hoàng Thiện	23SKT2	9.02	3.90	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
76	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140724059	Nguyễn Thị Ngọc	24SKT1	8.61	3.89	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
77	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140724006	Trần Khánh Bằng	24SKT2	8.92	3.84	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
78	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140724027	Võ Thị Thu Hằng	24SKT2	8.69	3.84	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
79	Sư phạm Sinh học	3150121043	Lê Mai Diễm Quỳnh	21SS	9.13	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
80	Sư phạm Sinh học	3150122024	Vân Thị Hiền Thảo	22SS	8.92	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
81	Sư phạm Sinh học	3150123035	Đỗ Hoài Thu	23SS	8.20	3.55	Giỏi	89.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
82	Sư phạm Sinh học	3150124017	Lê Thị Mai Phương	24SS	8.81	3.91	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
83	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3150321047	Huỳnh Thị Thu Hà	21CTM	9.12	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
84	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3150322011	Nguyễn Thị Kim Phương	22CTM	9.03	3.83	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
85	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3150323003	Lê Nguyễn Hồng Hoa	23CTM	8.11	3.55	Giỏi	94.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000	VII
86	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3150324042	Phan Hồ Quốc Trường	24CTM	7.98	3.50	Giỏi	90.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000	VII
87	Công nghệ sinh học	3150421071	Nguyễn Hoài Ngọc	21CNSH	8.90	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000	IV
88	Công nghệ sinh học	3150422030	Hoàng Thị Thu Tiên	22CNSH	9.09	3.95	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000	IV
89	Công nghệ sinh học	3150423030	Nguyễn Đức Trường Thịnh	23CNSH	8.63	3.76	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,750,000	IV
90	Công nghệ sinh học	3150424041	Trần Minh Tâm	24CNSH	8.44	3.63	Xuất sắc	81.00	Tốt	Giỏi	7,250,000	IV
91	Công nghệ sinh học	3150424042	Phạm Kiều Thanh	24CNSH	8.49	3.56	Giỏi	85.00	Tốt	Giỏi	7,250,000	IV

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
92	Giáo dục Chính trị	3160121041	Hồ Thị Hoàng Phi	21SGC	8.99	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
93	Giáo dục Chính trị	3160122020	Lê Thanh Mai	22SGC	8.78	3.85	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
94	Giáo dục Chính trị	3160123022	Nguyễn Thị Hoài	23SGC	8.78	3.93	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
95	Giáo dục Chính trị	3160124001	Đặng Thị Bình An	24SGC	8.60	3.87	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
96	Sư phạm Âm nhạc	3160421017	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21SAN	9.72	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
97	Sư phạm Âm nhạc	3160422002	Ngô Võ Hải Anh	22SAN	9.23	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
98	Sư phạm Âm nhạc	3160422003	Phạm Thị Minh Anh	22SAN	9.26	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
99	Sư phạm Âm nhạc	3240423008	Trần Đình Đông	23SAN	9.12	3.95	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
100	Sư phạm Âm nhạc	3240423054	Phạm Thị Thu Thùy	23SAN	9.02	3.80	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
101	Sư phạm Âm nhạc	3160424035	Nguyễn Hoàng Trung Kiên	24SAN1	9.31	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
102	Sư phạm Âm nhạc	3160424047	Dương Bảo Ngọc	24SAN1	9.18	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
103	Sư phạm Âm nhạc	3160424058	Nguyễn Phú	24SAN2	8.98	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
104	Giáo dục Công dân	3160521122	Kiều Thị Ánh Tuyết	21SCD	9.54	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
105	Giáo dục Công dân	3160522005	Mai Thị Ngọc Bích	22SCD	9.04	3.90	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
106	Giáo dục Công dân	3160523026	Trần Thị Yến Nhi	23SCD	8.90	3.90	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
107	Giáo dục Công dân	3160524007	Bùi Thị Anh Đào	24SCD	9.25	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
108	Giáo dục Thể chất	3160621017	Phan Thị Liên	21SGT	9.68	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
109	Giáo dục Thể chất	3160622015	Phạm Thanh Huyền	22SGT	8.95	3.95	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
110	Giáo dục Thể chất	3240623033	Arát Vũ Đức	23SGT	8.61	3.81	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
111	Giáo dục Thể chất	3240623045	Vương Ngọc Sơn	23SGT	8.84	3.74	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
112	Giáo dục Thể chất	3160624038	Nguyễn Đức Thuận	24SGT	8.31	3.68	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
113	Giáo dục Thể chất	3160624042	Huỳnh Trần Như Uyên	24SGT	8.41	3.68	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
114	Sư phạm Ngữ văn	3170121170	Lê Thị Hoàng Sâm	21SNV1	9.09	3.91	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
115	Sư phạm Ngữ văn	3170121116	Huỳnh Thị Thùy Linh	21SNV2	9.15	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
116	Sư phạm Ngữ văn	3170121213	Trần Thị Thu Trang	21SNV2	9.32	3.91	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
117	Sư phạm Ngữ văn	3170121131	Lê Thị Diễm My	21SNV3	9.04	3.91	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
118	Sư phạm Ngữ văn	3170122116	Nguyễn Thị Thanh Vân	22SNV1	9.08	3.93	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
119	Sư phạm Ngữ văn	3170122001	Lương Thị Lan Anh	22SNV2	9.20	3.95	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
120	Sư phạm Ngữ văn	3170122087	Phạm Văn Quân	22SNV2	9.25	3.88	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
121	Sư phạm Ngữ văn	3170123013	Trần Văn Khánh Dương	23SNV1	8.94	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
122	Sư phạm Ngữ văn	3170123030	Trương Thị Hiền	23SNV2	9.02	3.95	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
123	Sư phạm Ngữ văn	3170123074	Phan Thị Hồng Ngọc	23SNV2	9.06	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
124	Sư phạm Ngữ văn	3170123094	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	23SNV2	9.25	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
125	Sư phạm Ngữ văn	3170124007	Trần Thị Phương Anh	24SNV1	9.02	3.94	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
126	Sư phạm Ngữ văn	3170124061	Châu Ngọc Quốc	24SNV2	8.82	3.94	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
127	Sư phạm Ngữ văn	3170124089	Trang Tường Trâm Thuy	24SNV2	8.93	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
128	Văn học	3170221138	Phạm Đăng Như Quỳnh	21CVH	9.18	3.91	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
129	Văn học	3170221150	Hà Phan Lệ Trang	21CVH	9	3.84	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
130	Văn học	3170222020	Phạm Hoàng Thanh Duyên	22CVH	8.15	3.59	Giỏi	87.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII
131	Văn học	3170222041	Nguyễn Lê Bảo Ngân	22CVH	8.47	3.67	Xuất sắc	89.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII
132	Văn học	3170223010	Nguyễn Linh Giang	23CVH	8.55	3.71	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
133	Văn học	3170223031	Nguyễn Hà My	23CVH	8.36	3.60	Xuất sắc	87.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII
134	Văn học	3170223071	Võ Diễm Kiều Uyên	23CVH	8.31	3.76	Xuất sắc	87.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII
135	Văn học	3170224032	Phạm Thị Ngọc Linh	24CVH	8.97	3.91	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
136	Văn học	3170224057	Hoàng Đồng Phương Thảo	24CVH	8.81	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
137	Văn học	3170224089	Nguyễn Thị Kim Yến	24CVH	8.98	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
138	Văn hóa học	3170321085	Nguyễn Thị Huyền Trang	21CVHH	9.31	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
139	Văn hóa học	3170322032	Nguyễn Thị Bích Ngọc	22CVHH	9.03	3.87	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
140	Văn hóa học	3170322040	Hồ Gia Phụng	22CVHH	8.39	3.60	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
141	Văn hóa học	3170323004	Nguyễn Thị Bảo Châu	23CVHH	7.88	3.30	Giỏi	88.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII
142	Văn hóa học	3170323056	Cao Thị Anh Thư	23CVHH	8.33	3.48	Giỏi	90.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000	VII
143	Văn hóa học	3170324008	Phan Nguyễn Bảo Chân	24CVHH	8.49	3.71	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
144	Văn hóa học	3170324048	Ngô Phan Như Quỳnh	24CVHH	8.56	3.68	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
145	Báo chí	3170421016	Trần Bảo Hân	21CBC2	8.86	3.94	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
146	Báo chí	3170421059	Đặng Hoàng Khánh Nhi	21CBC2	9.03	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
147	Báo chí	3170421083	Nguyễn Thị Lệ Thùy	21CBC2	8.99	3.94	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
148	Báo chí	3170421247	Hồ Thị Huyền Trang	21CBC2	8.98	3.94	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
149	Báo chí	3170422106	Ngô Bảo Yến	22CBC1	8.74	3.83	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
150	Báo chí	3170422047	Nguyễn Trần Khánh Na	22CBC2	8.66	3.85	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
151	Báo chí	3170422107	Phạm Thị Hai Yến	22CBC2	8.75	3.85	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
152	Báo chí	3170423038	Lưu Thị Hương	23CBC1	8.76	3.90	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
153	Báo chí	3170423041	Đào Xuân Diệu Huyền	23CBC1	9.05	3.95	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
154	Báo chí	3170423061	Dương Quỳnh Nga	23CBC1	8.96	3.95	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
155	Báo chí	3170423076	Nguyễn Mai Nhi	23CBC1	8.82	3.95	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
156	Báo chí	3170424055	Nguyễn Thị Kim Nga	24CBC1	8.47	3.72	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
157	Báo chí	3170424049	Lưu Thị Huyền Mơ	24CBC2	8.59	3.81	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
158	Báo chí	3170424075	Lê Kiều Oanh	24CBC2	8.78	3.91	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
159	Báo chí	3170424096	Nguyễn Thị Minh Thư	24CBC2	8.58	3.72	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
160	Báo chí (Chất lượng cao)	3170622009	Mai Nguyễn Quỳnh Nhi	22CBCC	8.70	3.90	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
161	Báo chí (Chất lượng cao)	3170622018	Nguyễn Trần Thanh Toàn	22CBCC	8.65	3.81	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
162	Quan hệ công chúng	3170724006	Trần Phương Anh	24CQCC	8.29	3.65	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
163	Quan hệ công chúng	3170724032	Đoàn Nguyễn Phương Nam	24CQCC	8.32	3.74	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
164	Quan hệ công chúng	3170724061	Trần Thị Ngọc Trâm	24CQCC	8.52	3.76	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
165	Sư phạm Lịch sử	3180121025	Đoàn Văn Lam	21SLS	9.76	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
166	Sư phạm Lịch sử	3180122009	Đoàn Nguyễn Trà Giang	22SLS	8.96	3.89	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
167	Sư phạm Lịch sử	3180122023	Trần Thị Hoài Ly	22SLS	8.99	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
168	Sư phạm Lịch sử	3180123024	Phan Thị Tinh	23SLS	9.39	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
169	Sư phạm Lịch sử	3180124003	Trần Cẩm Hà	24SLS	9.16	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
170	Việt Nam học	3180221072	Trần Quỳnh Thuý Như	21CVNH2	9.11	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
171	Việt Nam học	3180221122	Trương Thị Phương Hoàng	21CVNH2	9.05	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
172	Việt Nam học	3180221169	Phạm Thị Ngọc Hòa	21CVNH2	9.20	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
173	Việt Nam học	3180222064	Nguyễn Thị Hoài Minh	22CVNHI	9.13	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	IV
174	Việt Nam học	3180222074	Nguyễn Thị Như Ngọc	22CVNHI	9.18	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	IV
175	Việt Nam học	3180222106	Huỳnh Khánh Tâm	22CVNHI	9.39	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	IV
176	Việt Nam học	3180222029	Nguyễn Hồng Hân	22CVNH2	9.17	3.95	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	IV
177	Việt Nam học	3180223028	Hồ Lê Thuý Hằng	23CVNHI	8.47	3.81	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
178	Việt Nam học	3180223151	Lê Thùy Mỹ Ý	23CVNHI	8.92	3.94	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
179	Việt Nam học	3180223004	Trần Nguyễn Hoàng Anh	23CVNH2	8.73	3.75	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
180	Việt Nam học	3180223126	Đoàn Thị Ngọc Triều	23CVNH2	8.66	3.83	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
181	Việt Nam học	3180224095	Nguyễn Phan Kiều Trăn	24CVNHI	8.52	3.71	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
182	Việt Nam học	3180224105	Lê Thị Cẩm Tú	24CVNHI	8.64	3.79	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
183	Việt Nam học	3180224123	Nông Khánh Ly	24CVNHI	8.56	3.68	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
184	Việt Nam học	3180224094	Nguyễn Ngọc Huyền Trăn	24CVNH2	8.61	3.71	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
185	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180521052	Trần Viết Lợi	21CLS	8.90	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
186	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180522031	Trần Ngô Trường Phúc	22CLS	8.11	3.55	Giỏi	98.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000	VII
187	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180523028	Lương Thị Mỹ Lệ	23CLS	7.86	3.27	Giỏi	90.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000	VII

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
188	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180523038	Trần Thị Kim Ngân	23CLS	8.13	3.47	Giỏi	94.00	Xuất sắc	Giỏi	6,500,000	VII
189	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180524017	Lại Thị Hoàng Hà	24CLS	8.78	3.85	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
190	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180524022	Nguyễn Thị Diễm Hằng	24CLS	8.53	3.70	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
191	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180721038	Lê Quang Việt Anh	21SLD	9.48	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
192	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180721097	Trần Lê Đình Phương	21SLD	9.61	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
193	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180722044	Lê Vỹ Lợi	22SLD1	8.91	3.79	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
194	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180722041	Dương Thị Kim Loan	22SLD2	8.82	3.73	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
195	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180722114	Lê Hải Vy	22SLD2	8.81	3.82	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
196	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180723062	Nguyễn Thị Thanh Nhân	23SLD1	9.28	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
197	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180723064	Phan Thị Hoài Nhi	23SLD1	9.22	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
198	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180723116	Ngô Thị Mỹ Vân	23SLD2	8.95	3.94	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
199	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180724020	Bnướcch Thị Hằng	24SLD2	9.20	3.94	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
200	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180724027	Chu Thị Khánh Huyền	24SLD2	9.05	3.94	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
201	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180724084	Lý Diệu Thương	24SLD2	9.16	3.94	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
202	Sư phạm Địa lý	3190121064	Đinh Thanh Thảo	21SDL	9.19	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
203	Sư phạm Địa lý	3190122051	Phan Huỳnh Khánh Thương	22SDL	9.18	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
204	Sư phạm Địa lý	3190123015	Trần Nguyễn Đức Hòa	23SDL	9.24	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
205	Sư phạm Địa lý	3190124002	Đậu Thị Khánh Chi	24SDL	9.05	3.81	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
206	Địa lý du lịch	3190421033	Võ Thị Hương Vy	21CDDL	9.34	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
207	Địa lý du lịch	3190421036	Hồ Thị Phương Giang	21CDDL	8.83	3.83	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
208	Địa lý du lịch	3190422047	Phan Thị Kim Oanh	22CDDL	8.82	3.88	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
209	Địa lý du lịch	3190422069	Lê Thị Thủy	22CDDL	8.85	3.88	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
210	Địa lý du lịch	3190423057	Hồ Thanh Sơn	23CDDL	8.40	3.68	Xuất sắc	88.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII
211	Địa lý du lịch	3190423064	Trần Văn Thanh	23CDDL	8.50	3.76	Xuất sắc	87.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
212	Địa lý du lịch	3190424020	Lê Gia Hân	24CDDL	8.45	3.74	Xuất sắc	81.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII
213	Địa lý du lịch	3190424032	Trần Công Nguyễn Khánh	24CDDL	8.43	3.62	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
214	Địa lý du lịch	3190424071	Phạm Thị Kim Trang	24CDDL	8.26	3.68	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	6,500,000	VII
215	Tâm lý học	3200221070	Lê Thị Ngọc Nhung	21CTL2	8.86	3.92	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
216	Tâm lý học	3200222027	Nguyễn Thanh Hằng	22CTL	8.63	3.82	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
217	Tâm lý học	3200223028	Nguyễn Gia Hân	23CTL1	8.89	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
218	Tâm lý học	3200223069	Nguyễn Thanh Bảo Ngọc	23CTL1	8.76	3.94	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
219	Tâm lý học	3200223127	Hoàng Lê Hải Tiên	23CTL1	9.18	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
220	Tâm lý học	3200223012	Trần Thị Kim Chi	23CTL2	8.81	3.85	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
221	Tâm lý học	3200224087	Hà Bùi Tú Quyên	24CTL1	8.86	3.92	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
222	Tâm lý học	3200224013	Nguyễn Thị Chính	24CTL2	8.82	3.83	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
223	Tâm lý học	3200224101	Lê Nguyễn Uyên Thư	24CTL2	9.21	3.94	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
224	Tâm lý học	3200224103	Trần Thị Anh Thư	24CTL2	9.16	3.94	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
225	Công tác xã hội	3200321098	Ngô Thị Thanh Thảo	21CTXH	9.15	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
226	Công tác xã hội	3200322019	Nguyễn Ngọc Huy	22CTXH	9.46	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
227	Công tác xã hội	3200322045	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	22CTXH	8.72	3.83	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
228	Công tác xã hội	3200323043	Lê Trần Thị Nga	23CTXH	9.05	3.96	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
229	Công tác xã hội	3200323045	Hồ Thị Bích Ngọc	23CTXH	8.67	3.87	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
230	Công tác xã hội	3200323081	Võ Ngọc Hiền Trang	23CTXH	8.90	3.96	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
231	Công tác xã hội	3200324004	Trần Thị Hoàng Anh	24CTXH	9.03	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
232	Công tác xã hội	3200324052	Nguyễn Thị Thủy Sương	24CTXH	8.75	3.81	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
233	Tâm lý học (Chất lượng cao)	3200221241	Nguyễn Ngọc Thiên Thảo	21CTLC	9.10	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
234	Tâm lý học (Chất lượng cao)	3200221270	Nguyễn Thị Thu Trang	21CTLC	8.89	3.94	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
235	Tâm lý học (Chất lượng cao)	3200422008	Nguyễn Thị Kim Huệ	22CTLC	8.64	3.78	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
236	Tâm lý học (Chất lượng cao)	3200422023	Nguyễn Lê Thanh	22CTLC	8.83	3.85	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,000,000	VII
237	Giáo dục Tiểu học	3220121060	Đỗ Nguyên Hạnh	21STH1	9.35	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
238	Giáo dục Tiểu học	3220121195	Trần Nguyễn Anh Thư	21STH1	9.42	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
239	Giáo dục Tiểu học	3220121774	Cù Thị Huyền Trang	21STH1	9.34	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
240	Giáo dục Tiểu học	3220121084	Trần Thị Ngọc Huyền	21STH2	9.30	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
241	Giáo dục Tiểu học	3220121108	Huỳnh Thị Thu Luyện	21STH2	9.60	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
242	Giáo dục Tiểu học	3220121202	Huỳnh Thị Thanh Thủy	21STH2	9.50	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
243	Giáo dục Tiểu học	3220121204	Trần Thị Thanh Thủy	21STH2	9.37	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
244	Giáo dục Tiểu học	3220121374	Phạm Nam Hòa Hải	21STH2	9.39	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
245	Giáo dục Tiểu học	3220121379	Lê Thị Thúy Hằng	21STH2	9.30	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
246	Giáo dục Tiểu học	3220121483	Phan Đình Thùy Linh	21STH3	9.39	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
247	Giáo dục Tiểu học	3220121748	Tạ Thị Tiên	21STH3	9.33	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
248	Giáo dục Tiểu học	3220121073	Nguyễn Thúy Hồng	21STH4	9.36	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
249	Giáo dục Tiểu học	3220121773	Ngô Bảo Trân	21STH5	9.31	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
250	Giáo dục Tiểu học	3220121618	Nguyễn Hoàng Ny	21STH8	9.37	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
251	Giáo dục Tiểu học	3220121600	Huỳnh Thị Mỹ Nhung	21STH9	9.31	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
252	Giáo dục Tiểu học	3220122202	Trần Hoài Nhi	22STH1	9.19	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
253	Giáo dục Tiểu học	3220122298	Đỗ Thị Ánh Trinh	22STH1	9.28	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
254	Giáo dục Tiểu học	3220122088	Đặng Lê Công Hiếu	22STH3	9.24	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
255	Giáo dục Tiểu học	3220122122	Phan Vũ Thiên Kim	22STH3	9.24	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
256	Giáo dục Tiểu học	3220122233	Trần Thu Sương	22STH3	9.26	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
257	Giáo dục Tiểu học	3220122244	Đặng Nguyễn Bích Thảo	22STH3	9.35	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
258	Giáo dục Tiểu học	3220122327	Trịnh Thị Hoàng Vy	22STH4	9.26	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
259	Giáo dục Tiểu học	3220122045	Vì Thị Duy	22STH5	9.24	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
260	Giáo dục Tiểu học	3220122090	Đặng Thị Thu Hoài	22STH5	9.19	4.00	Xuất sắc	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
261	Giáo dục Tiểu học	3220122220	Nguyễn Thị Thanh Phương	22STH6	9.29	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
262	Giáo dục Tiểu học	3220123322	Nguyễn Thị Thanh	23STH1	9.29	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
263	Giáo dục Tiểu học	3220123373	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	23STH1	9.30	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
264	Giáo dục Tiểu học	3220123135	Mai Ngọc Hương	23STH2	9.50	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
265	Giáo dục Tiểu học	3220123357	Dương Thị Kim Thủy	23STH2	9.47	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
266	Giáo dục Tiểu học	3220123380	Hoàng Thị Hà Trang	23STH2	9.34	4.00	Xuất sắc	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
267	Giáo dục Tiểu học	3220123146	Đinh Thị Thanh Huyền	23STH3	9.30	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
268	Giáo dục Tiểu học	3220123253	Dương Hoàng Lan Nhi	23STH3	9.46	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
269	Giáo dục Tiểu học	3220123391	Huỳnh Phương Trinh	23STH3	9.38	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
270	Giáo dục Tiểu học	3220123402	Nguyễn Hồng Tú	23STH3	9.35	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
271	Giáo dục Tiểu học	3220123179	Nguyễn Khánh Linh	23STH5	9.40	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
272	Giáo dục Tiểu học	3220123027	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23STH6	9.36	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
273	Giáo dục Tiểu học	3220123377	Lê Vũ Minh Trán	23STH6	9.32	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
274	Giáo dục Tiểu học	3220124001	Phan Minh Ân	24STH1	9.23	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
275	Giáo dục Tiểu học	3220124162	Đặng Thị Ngân	24STH1	9.16	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
276	Giáo dục Tiểu học	3220124009	Nguyễn Phương Anh	24STH2	9.34	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
277	Giáo dục Tiểu học	3220124115	Dương Hà Nhật Linh	24STH2	9.25	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
278	Giáo dục Tiểu học	3220124024	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	24STH3	9.19	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
279	Giáo dục Tiểu học	3220124170	Hứa Trần Bảo Ngọc	24STH3	9.28	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
280	Giáo dục Tiểu học	3220124274	Nguyễn Thị Thương	24STH3	9.26	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
281	Giáo dục Tiểu học	3220124216	Nguyễn Thị Hà Phương	24STH4	9.24	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
282	Giáo dục Tiểu học	3220124267	Phạm Thị Hoài Thơm	24STH4	9.24	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
283	Giáo dục Tiểu học	3220124286	Nguyễn Thị Tiên	24STH7	9.40	4.00	Xuất sắc	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
284	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220221034	Lê Nguyễn Út	21STC	9.19	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
285	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220222035	Đặng Thị Thanh Nga	22STC	9	3.95	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
286	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220222046	Nguyễn Khánh Quỳnh	22STC	8.78	4.00	Xuất sắc	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
287	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220223018	Nguyễn Thị Thanh Hoa	23STC	8.97	3.95	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
288	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220223070	Phan Thị Như Tuyết	23STC	8.82	3.95	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
289	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220224039	Đỗ Vũ Như Ngọc	24STC1	9.03	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
290	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220224046	Nguyễn Tăng Quỳnh Như	24STC1	9.25	4.00	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
291	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220224058	Trần Thị Thanh Thảo	24STC2	8.97	4.00	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
292	Giáo dục Mầm non	3230121017	Nguyễn Kiều My	21SMN2	9.43	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
293	Giáo dục Mầm non	3230121136	Phan Mai Ngân	21SMN2	9.47	4.00	Xuất sắc	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
294	Giáo dục Mầm non	3230121222	Lê Thị Thanh Thúy	21SMN2	9.38	4.00	Xuất sắc	87.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
295	Giáo dục Mầm non	3230121098	Trần Thị Thu Lành	21SMN4	9.39	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
296	Giáo dục Mầm non	3230121162	Trần Thị Hồng Nhung	21SMN4	9.34	4.00	Xuất sắc	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
297	Giáo dục Mầm non	3230121243	Nguyễn Thị Huyền Trang	21SMN4	9.39	4.00	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
298	Giáo dục Mầm non	3230122002	Lê Trâm Anh	22SMN2	8.90	3.83	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
299	Giáo dục Mầm non	3230122068	Lê Thị Mai	22SMN2	9.26	4.00	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
300	Giáo dục Mầm non	3230122047	Thái Thị Hương	22SMN3	8.86	3.89	Xuất sắc	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
301	Giáo dục Mầm non	3230122093	Nguyễn Thị Nữ	22SMN3	8.93	3.94	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
302	Giáo dục Mầm non	3230122144	Hồ Thị Thanh Tú	22SMN3	8.83	3.89	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
303	Giáo dục Mầm non	3230123057	Hồ Thị Kim Huệ	23SMN1	8.43	3.67	Xuất sắc	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
304	Giáo dục Mầm non	3230123205	Hoàng Y Vân	23SMN1	8.26	3.55	Giỏi	98.00	Xuất sắc	Giỏi	6,750,000	I
305	Giáo dục Mầm non	3230123029	Nguyễn Thị Duyên	23SMN2	8.26	3.57	Giỏi	85.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
306	Giáo dục Mầm non	3230123062	Nguyễn Thị Thu Hương	23SMN2	8.40	3.62	Xuất sắc	87.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
307	Giáo dục Mầm non	3230123078	Nguyễn Thị Thùy Linh	23SMN2	8.30	3.52	Giỏi	98.00	Xuất sắc	Giỏi	6,750,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Điểm rèn luyện	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
308	Giáo dục Mầm non	3230123208	Nguyễn Hoài Vy	23SMN4	8.63	3.74	Xuất sắc	88.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
309	Giáo dục Mầm non	3230124021	Tạ Thị Chí	24SMN1	8.54	3.69	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
310	Giáo dục Mầm non	3230124176	Trần Thị Huỳnh Trâm	24SMN2	8.46	3.64	Xuất sắc	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
311	Giáo dục Mầm non	3230124080	Lê Thị Thùy Linh	24SMN3	8.61	3.67	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
312	Giáo dục Mầm non	3230124112	Nguyễn Hồng Phúc	24SMN3	8.43	3.61	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
313	Giáo dục Mầm non	3230124157	Trần Hồng Anh Thơ	24SMN3	8.48	3.64	Xuất sắc	85.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
314	Giáo dục Mầm non	3230124020	Nguyễn Thị Mai Chi	24SMN4	8.66	3.78	Xuất sắc	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
315	Giáo dục Mầm non	3230124077	Hoàng Hồ Thùy Linh	24SMN4	8.05	3.58	Giỏi	88.00	Tốt	Giỏi	6,750,000	I
316	Sư phạm Mỹ thuật	3240124010	Nguyễn Thùy Trúc Linh	24SMT	8.99	4.00	Xuất sắc	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	7,250,000	I
Tổng cộng: (Bảng chữ: Hai tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)												
Danh sách trên có 316 sinh viên.												
2,274,250,000												